Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 25.11.2026 16:10:38 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2305/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chương trình thực hiện Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 610/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình thực hiện Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 610/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1161/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Các nội dung đã và đang thực hiện theo Quyết định số 1161/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tiếp tục được triển khai thực hiện và cập nhật vào Chương trình thực hiện ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh: Cao Bằng, Điện Biên, Lạng Sơn, Lai Châu, Lào Cai, Phú Thọ, Sơn La, Thái Nguyên, Tuyên Quang;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b) ĐTQ 15

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phạm Gia Túc

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH

Thực hiện Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 610/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 2305/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Căn cứ các quan điểm, mục tiêu, phương hướng và giải pháp tại Quyết định số 610/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình thực hiện Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 610/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng lộ trình tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của quy hoạch đã đề ra.

b) Cụ thể hóa các mục tiêu, định hướng phát triển vùng Trung du và miền núi phía Bắc theo điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt; xác định cụ thể nhiệm vụ, chương trình, dự án trọng tâm, tiến độ, phân kỳ thực hiện và nhu cầu nguồn lực để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là nguồn lực xã hội; thúc đẩy chuyển đổi mô hình phát triển của các ngành, tiểu vùng, địa phương theo hướng nhanh, xanh, bền vững và toàn diện.

c) Thiết lập khung kết quả thực hiện theo từng giai đoạn, gắn với phân công trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương, làm cơ sở để rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; kịp thời xem xét điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm tính tuân thủ, tính kế thừa, đồng bộ, thống nhất với các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; bảo đảm tính liên kết, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương.

b) Bảo đảm tính khả thi, linh hoạt, thích ứng với bối cảnh phát triển mới, nhất là yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

c) Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các khu vực kinh tế để phát triển nhanh, xanh, bền vững và toàn diện vùng Trung du và miền núi phía Bắc; phát huy vai trò là cửa ngõ phía Bắc của cả nước, trung tâm kết nối với Trung Quốc, các nước Trung Á và châu Âu; ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng, các ngành kinh tế theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

d) Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động vốn; phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công để thu hút nguồn vốn xã hội, tạo động lực đột phá cho phát triển kết cấu hạ tầng, các hành lang kinh tế, khu vực động lực, cực tăng trưởng và các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của vùng.

đ) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát; nâng cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt và trách nhiệm của các địa phương trong tổ chức thực hiện quy hoạch, nhất là đối với các nhiệm vụ, chương trình, dự án có tính chất liên vùng, liên tỉnh.

e) Bảo đảm kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại; bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ rừng, bảo đảm an ninh nguồn nước và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ trọng tâm

a) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

Căn cứ các mục tiêu, chỉ tiêu đã được xác định tại Quyết định số 610/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030,

tầm nhìn đến năm 2050, các cơ quan được giao chủ trì theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu được xác định chi tiết tại Phụ lục I.

b) Các nhóm nhiệm vụ trọng tâm

- Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng phát triển kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng

+ Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng phát triển kinh tế của vùng gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và tính bền vững; lấy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn làm động lực chủ yếu; đồng thời thu hẹp dần khoảng cách phát triển giữa các tiểu vùng và giữa vùng Trung du và miền núi phía Bắc với các vùng khác trong cả nước.

+ Tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và giá trị gia tăng cao của vùng, nhất là nông nghiệp xanh, hữu cơ, đặc sản, tuần hoàn, giá trị, hiệu quả cao; kinh tế rừng, kinh tế dưới tán rừng, các dịch vụ môi trường rừng, sản phẩm OCOP; du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng và một số sản phẩm du lịch đặc trưng, riêng có của vùng; nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, chất lượng các tour, tuyến du lịch gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc, di tích lịch sử cách mạng, gìn giữ cảnh quan, môi trường sinh thái, giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đẩy mạnh liên kết du lịch với Thủ đô Hà Nội và vùng đồng bằng sông Hồng, đồng thời thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch.

+ Phát triển vùng nguyên liệu tập trung gắn với cấp mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực, lợi thế của vùng gồm chè, cây ăn quả và dược liệu; đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp, ứng dụng công nghệ số, công nghệ Internet vạn vật (IoT), tự động hóa trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ; tăng cường quản lý, giám sát nguồn gốc và chuỗi cung ứng nông sản; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong giám sát tài nguyên rừng; thúc đẩy thương mại điện tử và chợ số, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm nông sản, đặc sản vùng, sản phẩm OCOP.

+ Tập trung xây dựng nông thôn mới phù hợp với điều kiện vùng Trung du và miền núi phía Bắc; ưu tiên hỗ trợ các xã khó khăn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới; duy trì và nâng cao chất lượng các xã đã đạt chuẩn, xây dựng xã nông thôn mới hiện đại tại các địa bàn có điều kiện.

+ Phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số như một nguồn lực phát triển; khuyến khích phát triển các mô hình sinh kế dựa trên văn hóa, hỗ trợ phát triển nghề thủ công truyền thống, sản phẩm OCOP gắn với bản sắc văn hóa, du lịch cộng đồng và các ngành công nghiệp văn hóa phù hợp với điều

kiện của từng địa phương. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa phát huy giá trị di sản, làng nghề, bản sắc văn hóa dân tộc phù hợp với điều kiện thực tiễn và lợi thế của vùng; hình thành các cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa và tổ hợp sáng tạo văn hóa; tăng cường liên kết vùng, xây dựng mạng lưới hợp tác giữa doanh nghiệp và các chủ thể sáng tạo, phát triển chuỗi giá trị từ sáng tạo, sản xuất, phân phối đến tiêu dùng sản phẩm văn hóa gắn với du lịch, dịch vụ và kinh tế sáng tạo. Xây dựng cơ sở dữ liệu số về di sản văn hóa vùng; phát triển các sản phẩm văn hóa đặc trưng, không gian sáng tạo và mô hình bảo tồn gắn với phát triển du lịch bền vững, từng bước chuyển hóa các giá trị văn hóa thành nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội. Quảng bá hình ảnh, văn hóa các dân tộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc ra quốc tế thông qua các hoạt động ngoại giao văn hóa, Ngày Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài; phát huy giá trị các danh hiệu UNESCO của vùng (Công viên địa chất toàn cầu Non nước Cao Bằng, Cao nguyên đá Đồng Văn và các di sản khác), gắn kết phát triển du lịch di sản, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái với Chiến lược Ngoại giao văn hóa của quốc gia.

+ Thúc đẩy phát triển kinh tế cửa khẩu, kinh tế biên mậu, thương mại theo hình thức chính ngạch, xây dựng và kết nối các trung tâm logistics và dịch vụ gắn với các hành lang kinh tế, các cửa khẩu quan trọng trên tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào; đẩy mạnh giao thương của vùng và cả nước với thị trường Trung Quốc, ASEAN và các thị trường liên quan, phát huy tối đa vị thế của vùng là cửa ngõ phía Bắc kết nối với Trung Quốc, Trung Á và châu Âu; tập trung đầu tư hoàn thiện mạng lưới hạ tầng thương mại vùng, bao gồm hệ thống chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ đầu mối, trung tâm thương mại và hệ thống kho bãi phục vụ hoạt động giao thương, xuất nhập khẩu hàng hóa liên vùng và quốc tế.

+ Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh và khai thác, chế biến sâu khoáng sản theo hướng ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, gắn với lợi thế vị trí, nguồn nguyên liệu và điều kiện của từng tiểu vùng; hình thành các cụm liên kết ngành, các nhóm sản phẩm chuyên môn hóa theo chuỗi giá trị, tạo các tổ hợp công nghiệp phù hợp với lợi thế của từng địa phương và toàn vùng.

+ Gắn chuyển đổi mô hình tăng trưởng với phát triển hài hòa, bao trùm và bền vững; ưu tiên hỗ trợ các địa bàn khó khăn, khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới; tập trung nguồn lực và có chính sách phù hợp đối với các địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng biên giới và các dân tộc thiểu số rất ít người; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chính sách, chương trình, dự án ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện, nhất là tại vùng đặc biệt khó khăn; tạo việc làm, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân, qua đó củng cố ổn định xã hội và phát huy vai trò chiến

lược của vùng trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước.

- Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại gắn với tăng cường liên kết vùng và chuyển đổi số.

+ Tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng vùng theo hướng đồng bộ, hiện đại, thông minh, có tính kết nối và lan tỏa cao; bảo đảm kết nối thông suốt trong nội vùng, giữa vùng với các vùng lân cận và với các không gian hợp tác quốc tế, tạo nền tảng để thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế, mở rộng dư địa phát triển và nâng cao sức cạnh tranh của vùng.

+ Ưu tiên đầu tư các tuyến cao tốc, đường sắt khổ tiêu chuẩn, quốc lộ và các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm kết nối với các hành lang kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu, trung tâm logistics, các đô thị và trung tâm kinh tế lớn của vùng và cả nước, góp phần tạo đột phá về liên kết vùng và liên kết quốc tế. Đầu tư, phấn đấu sớm đưa vào khai thác các tuyến đường bộ cao tốc Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên, Bắc Kạn - Cao Bằng, Bảo Hà - Lai Châu, đường Vành đai 5 trên địa bàn vùng. Hoàn thành đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai với Lai Châu; cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang. Nghiên cứu, huy động nguồn lực đầu tư tuyến cao tốc Lạng Sơn - Thái Nguyên - Lào Cai - Sơn La (CT.43). Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các tuyến mới đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Lạng Sơn. Nghiên cứu đầu tư một số cảng hàng không trong vùng như Lai Châu, Nà Sản, Sa Pa, Cao Bằng. Ưu tiên nâng cấp các tuyến giao thông kết nối từ trung tâm xã đến thôn, bản, vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng nguyên liệu, điểm du lịch cộng đồng, cửa khẩu, chợ đầu mối, trung tâm logistics và các tuyến giao thông liên xã phục vụ xây dựng nông thôn mới; bảo đảm kết nối thuận lợi giữa hạ tầng giao thông liên vùng với hạ tầng giao thông nông thôn, đặc biệt tại các xã miền núi, biên giới, xã đặc biệt khó khăn.

+ Phát triển vận tải thủy trên các trục sông Hồng, sông Đà, sông Lô - Gâm và các lòng hồ thủy điện lớn; đầu tư nâng cấp luồng tuyến, cảng thủy nội địa và cụm cảng hàng hóa, cảng khách, tăng cường kết nối với đường bộ, đường sắt và các trung tâm logistics.

+ Xây dựng và nâng cấp hệ thống hạ tầng logistics, hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu, hạ tầng thương mại biên giới, hạ tầng du lịch, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng đô thị, thủy lợi và phòng, chống thiên tai theo hướng đồng bộ, hiện đại, thông minh; bảo đảm hỗ trợ hiệu quả cho sản xuất, lưu thông hàng hóa, xuất nhập khẩu, phát triển dịch vụ và khai thác các tiềm năng, lợi thế của vùng.

+ Phát triển hạ tầng năng lượng theo hướng hiện đại, an toàn, thông minh; ưu tiên lưới truyền tải, các nguồn thủy điện, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh và hạ tầng phục vụ chuyển dịch năng lượng, đáp ứng yêu

cầu phát triển kinh tế xanh, bền vững của vùng. Trên cơ sở các quy hoạch ngành quốc gia đã được phê duyệt, định hướng các dự án hạ tầng năng lượng cấp vùng, nhất là các công trình nguồn điện lớn và hệ thống lưới điện truyền tải liên tỉnh từ 220 kV trở lên; các địa phương chủ động huy động, cân đối nguồn lực triển khai thực hiện.

+ Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, hạ tầng thông tin và truyền thông, nền tảng dữ liệu và các nền tảng số dùng chung của vùng theo các định hướng, nguyên tắc tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị và các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; hình thành trung tâm dữ liệu vùng đạt chuẩn quốc tế và hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung, ưu tiên đặt tại Thái Nguyên, Phú Thọ; nghiên cứu phát triển các khu công nghệ số tập trung tại các địa bàn có tiềm năng và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, phát huy vị trí cửa ngõ biên giới phía Bắc trong phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ thương mại điện tử xuyên biên giới, logistics thông minh; thúc đẩy chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, khuyến khích phát triển các tiện ích số thiết yếu (định danh, xác thực điện tử, thanh toán số, nền tảng tích hợp - chia sẻ dữ liệu) phục vụ người dân; nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành, khai thác không gian phát triển; nghiên cứu phát triển kinh tế tầm thấp và thí điểm, mở rộng xây dựng cửa khẩu thông minh tại các cửa khẩu quốc tế, tạo thuận lợi cho giao thương và hội nhập.

+ Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống thủy lợi, cấp nước, đê điều, phòng, chống thiên tai và các công trình thích ứng với biến đổi khí hậu; ưu tiên phòng, chống lũ quét, lũ ống, sạt lở đất, ngập lụt, hạn hán, thiếu nước, xói lở bờ sông và bảo đảm an toàn hồ đập, công trình thủy lợi, đê điều. Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo, giám sát và điều phối liên tỉnh trong quản lý tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai, bảo đảm an toàn dân cư, hạ tầng và các hoạt động sản xuất. Phát triển hệ thống thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước và thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển hệ thống cấp nước theo phân vùng lưu vực sông, khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên nước; ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt, từng bước hạn chế khai thác nước dưới đất, đồng thời xác định rõ nguồn nước dự phòng trong điều kiện biến đổi khí hậu; nghiên cứu đầu tư các dự án cấp nước liên vùng khi cần thiết.

+ Phát triển hạ tầng đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh, thích ứng với điều kiện địa hình trung du, miền núi và biến đổi khí hậu; nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật đô thị, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, chiếu sáng, không gian công cộng và hạ tầng dịch vụ đô thị; gắn phát triển đô thị với các cực tăng trưởng, các hành lang kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu và các trung tâm dịch vụ của vùng.

+ Đẩy mạnh phối hợp liên ngành, liên tỉnh trong quá trình đầu tư, quản lý, vận hành và khai thác hệ thống hạ tầng vùng; tập trung ưu tiên nguồn lực cho các công trình có vai trò động lực, khả năng lan tỏa, kết nối và thích ứng

cao, bảo đảm đầu tư theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ và phát huy hiệu quả.

- Tập trung phát triển các tiểu vùng, khu vực động lực vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Phát triển khu vực động lực của vùng gồm Phú Thọ và Thái Nguyên trở thành trung tâm công nghiệp - đô thị - dịch vụ của vùng, với công nghiệp là động lực chủ yếu cho tăng trưởng; ưu tiên phát triển công nghiệp điện tử, bán dẫn, cơ khí chế tạo trình độ cao, thiết bị điện, công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp công nghệ số, có sức lan tỏa và dẫn dắt phát triển toàn vùng. Phát triển các hành lang kinh tế quan trọng gồm Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Lạng Sơn - Hà Nội; Điện Biên - Sơn La - Phú Thọ - Hà Nội; Tuyên Quang - Phú Thọ - Hà Nội; Cao Bằng - Thái Nguyên - Hà Nội; Cao Bằng - Lạng Sơn - Quảng Ninh; Điện Biên - Sơn La - Lào Cai - Tuyên Quang - Thái Nguyên - Lạng Sơn; gắn với phát triển các cửa khẩu, khu kinh tế cửa khẩu, trung tâm logistics, trung tâm đô thị, công nghiệp, du lịch và dịch vụ, tăng cường liên kết nội vùng, liên kết với Thủ đô Hà Nội, vùng đồng bằng sông Hồng, các cảng cửa ngõ và kết nối với Trung Quốc, Lào, ASEAN.

- Phát triển hệ thống đô thị vùng Trung du và miền núi phía Bắc phù hợp với không gian phát triển mới của vùng, gắn với phát triển hạ tầng giao thông, mở rộng các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu và các hành lang kinh tế; phát triển đô thị theo hướng xanh, bền vững, thông minh, giàu bản sắc, thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với bảo tồn cảnh quan tự nhiên, di sản văn hóa các dân tộc và kiểm soát chặt chẽ quá trình đô thị hóa. Tổ chức mạng lưới đô thị đa tầng, đa trung tâm theo tiểu vùng, ưu tiên phát triển các đô thị trung tâm cấp vùng, đô thị cửa khẩu, đô thị biên giới; tăng cường liên kết đô thị - nông thôn, phát huy vai trò các đô thị trung tâm như Thái Nguyên, Việt Trì, Lạng Sơn, Lào Cai, Điện Biên Phủ trong lan tỏa phát triển và nâng cao chất lượng sống của người dân. Chú trọng phát triển các đô thị tại các khu vực khu kinh tế cửa khẩu, khu vực biên giới; gia tăng mức độ nén ở những khu vực có địa hình phù hợp; ưu tiên phát triển các đô thị gắn với các hành lang kinh tế. Rà soát, phân loại các đô thị trung tâm cấp huyện (cũ) để phát triển thành các trung tâm dịch vụ, thương mại, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao.

- Tập trung phát triển hạ tầng xã hội của vùng theo hướng đồng bộ, hợp lý và từng bước hiện đại. Ưu tiên đầu tư, nâng cấp và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và trợ giúp xã hội; từng bước hình thành và phát huy vai trò các trung tâm cấp vùng về giáo dục, y tế chuyên sâu, văn hóa, thể thao, khoa học - công nghệ. Phát triển hạ tầng xã hội theo hướng phân bố hợp lý, hài hòa giữa các khu vực đồng bằng, trung du, miền núi và biên giới, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

- Phát triển giáo dục và đào tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực có kỹ năng nghề cao là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy phát triển bền vững của vùng; gắn phát triển giáo dục với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục theo quy hoạch; ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; phát triển hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời; nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng trong giai đoạn mới. Củng cố và mở rộng các trường đại học, trung tâm, phân hiệu đại học tại Phú Thọ, Lào Cai, Tuyên Quang và các tiểu vùng, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển bền vững vùng; phát huy vai trò của các cơ sở giáo dục đại học trong phát triển hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của vùng, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp, viện nghiên cứu và địa phương.

- Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của vùng. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT) trong các ngành, lĩnh vực có lợi thế của vùng; thúc đẩy hình thành các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), trung tâm chuyển đổi số, các phòng thí nghiệm trọng điểm và các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ phục vụ phát triển vùng. Hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo vùng gắn với các đô thị trung tâm; hình thành và vận hành sàn giao dịch công nghệ vùng, kết nối với hệ thống quốc gia; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo dùng chung cho toàn vùng.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp đồng bộ hạ tầng, lực lượng, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hiện đại, phù hợp với điều kiện trung du, miền núi, biên giới và tốc độ phát triển công nghiệp, đô thị, hạ tầng năng lượng, khu kinh tế cửa khẩu của vùng; ưu tiên khu vực động lực công nghiệp - đô thị Phú Thọ - Thái Nguyên, các khu kinh tế cửa khẩu biên giới Việt Nam - Trung Quốc có mật độ dự án công nghiệp, năng lượng cao, các đô thị trung tâm, khu công nghiệp, khu du lịch và khu vực có nguy cơ cao; bảo đảm đồng bộ hạ tầng giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc và chỉ huy, điều hành.

- Quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên đất, nước, rừng, khoáng sản và đa dạng sinh học; gắn với bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng đầu nguồn, bảo tồn thiên nhiên, phục hồi hệ sinh thái và bảo đảm an ninh nguồn nước. Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; ưu tiên đầu tư các công trình phòng, chống lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, thiếu nước, nâng cấp hệ thống quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo và tăng cường

phối hợp liên tỉnh trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng, chống thiên tai. Tăng cường điều phối, vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đà - sông Hồng theo hướng bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu phát điện, cắt giảm lũ, cấp nước mùa cạn, bảo vệ môi trường và bảo đảm an ninh nguồn nước; hoàn thiện cơ chế phối hợp liên tỉnh trong quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai, chia sẻ dữ liệu và quản lý tài nguyên nước. Bảo tồn, phát huy giá trị các cảnh quan văn hóa, tài nguyên cảnh quan đặc trưng như hệ thống ruộng bậc thang, làng bản truyền thống, không gian sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số, các công viên địa chất, hồ, thác, núi, danh lam thắng cảnh và các không gian văn hóa gắn với di sản thiên nhiên; lồng ghép yêu cầu bảo vệ các giá trị này trong quá trình phát triển kết cấu hạ tầng, đô thị, du lịch và các khu kinh tế cửa khẩu.

- Xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, ưu tiên đầu tư công trình phòng thủ, hạ tầng biên giới, bố trí dân cư trên tuyến biên giới, xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

- Ưu tiên bố trí, đầu tư hạ tầng phục vụ quốc phòng, an ninh và an toàn xã hội, gồm trụ sở, doanh trại, trung tâm chỉ huy, công trình phòng thủ dân sự, cơ sở phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại trung tâm các tỉnh, khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trọng điểm; kết hợp đầu tư hạ tầng đa dụng vừa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vừa đáp ứng yêu cầu tác chiến, phòng thủ, cứu nạn, cứu hộ khẩn cấp trong tình huống thiên tai, thảm họa hoặc an ninh phi truyền thống. Chú trọng bảo đảm an ninh tại khu vực biên giới, cửa khẩu, địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường phòng ngừa các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, di cư trái phép và các hoạt động xâm phạm an ninh biên giới. Hoàn thiện hệ thống công trình phòng thủ trên địa bàn, tập trung tuyến biên giới và các chốt dân quân thường trực phù hợp đặc điểm địa hình.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, củng cố và phát triển các khu kinh tế - quốc phòng trên địa bàn vùng theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phát huy vai trò, hiệu quả hoạt động của các đoàn kinh tế - quốc phòng trong tham gia phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ, ổn định dân cư, giảm nghèo bền vững, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở và bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia.

2. Cơ chế, chính sách

Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển vùng, xây dựng thể chế liên kết vùng đủ mạnh, bảo đảm hiệu quả quản trị và điều phối, liên kết phát triển vùng, tập trung vào một số lĩnh vực như quy hoạch, phát triển hạ tầng, xúc tiến đầu tư, xử lý các vấn đề về môi trường nội vùng và liên vùng, phát triển

các cụm liên kết ngành. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các địa phương trong vùng để triển khai các dự án liên tỉnh, nhất là trong các lĩnh vực giao thông, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, du lịch và logistics; cơ chế chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu và phối hợp trong quá trình thực hiện các chương trình, dự án liên vùng. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách và các giải pháp quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên nước của vùng.

a) Thu hút đầu tư phát triển

- Tập trung nguồn vốn nhà nước cho các dự án có tính liên kết vùng, các công trình hạ tầng trọng điểm, có vai trò dẫn dắt và tạo sức lan tỏa; phát huy vai trò định hướng của đầu tư công trong việc khơi thông, thu hút và dẫn dắt các nguồn lực xã hội tham gia phát triển kết cấu hạ tầng và các ngành, lĩnh vực ưu tiên của vùng.

- Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư, nhất là vốn tư nhân, vốn đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài và các nguồn tài chính hợp pháp khác; ưu tiên cho các dự án hạ tầng giao thông kết nối vùng, liên vùng và quốc tế, hạ tầng cửa khẩu, logistics, khu kinh tế cửa khẩu, đô thị động lực, hạ tầng số, hạ tầng năng lượng, thủy lợi, cấp nước, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu, mở rộng các cơ chế huy động nguồn lực cho bảo vệ môi trường, phục hồi hệ sinh thái, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn nước, phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của vùng.

- Tăng cường thu hút đầu tư tư nhân trong nước và đầu tư nước ngoài; xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư cấp vùng gắn với danh mục dự án ưu tiên, các khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, trung tâm logistics, đô thị động lực, các hành lang kinh tế và các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, các dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng, nuôi, trồng, phát triển dược liệu quý dưới tán rừng; khuyến khích chuyển giao công nghệ, phát triển công nghệ cao, công nghệ sạch, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của các chuỗi sản xuất trong vùng. Xây dựng cơ chế phối hợp, liên kết chặt chẽ giữa các cơ quan xúc tiến đầu tư của các địa phương trong vùng để tổ chức các sự kiện quảng bá, xúc tiến đầu tư mang tầm quốc gia và quốc tế; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chung về tiềm năng, lợi thế và dự án gọi vốn của toàn vùng để thống nhất cung cấp cho nhà đầu tư. Phát huy vai trò của công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế tại các địa phương trong vùng, tạo sự phối hợp đồng bộ, chiến lược và dài hạn trong xúc tiến đầu tư, quảng bá tiềm năng, lợi thế của vùng ra nước ngoài nhằm thu hút nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

b) Phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển nguồn nhân lực theo hướng nâng cao chất lượng và khả năng thích ứng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tập trung phát triển giáo dục nghề

nghiệp cả về quy mô và chất lượng; ưu tiên đào tạo các ngành, nghề phù hợp lợi thế vùng như công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng, logistics, thương mại biên giới, du lịch sinh thái và nông nghiệp công nghệ cao; chú trọng phát triển nhân lực du lịch chuyên sâu (hướng dẫn viên, quản trị điểm đến, lữ hành, chuyển đổi số trong du lịch). Khuyến khích người lao động, đặc biệt là lao động vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề gắn với nhu cầu thị trường lao động.

- Đầu tư nâng cấp các cơ sở đào tạo trọng điểm cấp vùng và tiểu vùng; từng bước phát triển các trung tâm đào tạo - nghiên cứu - chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế vùng; tăng cường liên kết giữa các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp với viện nghiên cứu, tổ chức quốc tế và doanh nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng ứng dụng khoa học - công nghệ.

- Đẩy mạnh liên kết đào tạo với doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu và khu du lịch trọng điểm theo cơ chế đào tạo theo nhu cầu sử dụng lao động; khuyến khích doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, cung cấp cơ sở thực hành, tiếp nhận học viên thực tập và tuyển dụng sau đào tạo. Đa dạng hóa mô hình và hình thức đào tạo, kết hợp đào tạo chính quy, ngắn hạn, đào tạo tại chỗ và đào tạo trực tuyến nhằm đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của vùng.

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn vùng xây dựng và triển khai chương trình đào tạo về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; phát triển các mô hình hỗ trợ khởi nghiệp trong nhà trường; hỗ trợ sinh viên, học viên, giảng viên và nhà khoa học hình thành, phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp từ kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ.

- Phát triển nguồn nhân lực gắn với giải quyết việc làm bền vững và giữ chân lao động chất lượng cao. Thực hiện các chương trình hỗ trợ việc làm, đào tạo lại và chuyển đổi nghề; tăng cường kết nối cung - cầu lao động trong vùng và với các vùng lân cận, đặc biệt là vùng đồng bằng sông Hồng. Áp dụng các chính sách phù hợp để thu hút, sử dụng hiệu quả và giữ chân đội ngũ chuyên gia, lao động kỹ thuật, nhân lực chất lượng cao, nhân lực có kỹ năng nghề cao tại các trung tâm công nghiệp - đô thị và khu kinh tế cửa khẩu.

- Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực là đồng bào dân tộc thiểu số gắn với sinh kế tại chỗ, bảo tồn bản sắc văn hóa và phát triển bao trùm. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cơ sở đào tạo, liên kết đào tạo và phát triển kỹ năng nghề.

c) Bảo đảm an sinh xã hội

Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy tạo việc làm bền vững, nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm chính thức trong nền kinh tế. Giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội phát sinh trong quá trình đô thị hóa nhanh.

Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù chăm lo phát triển văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tạo sinh kế, việc làm, phát triển du lịch cộng đồng gắn với sinh kế bền vững, sắp xếp ổn định dân cư vững chắc cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là vùng biên giới. Từng bước phát triển khu vực khó khăn thông qua xây dựng hạ tầng kết nối khu vực khó khăn với các hành lang kinh tế, kết nối các khu vực biên giới khó khăn với phát triển các khu kinh tế cửa khẩu. Tập trung nguồn lực, lồng ghép các chính sách, chương trình, dự án đối với các địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng biên giới và các dân tộc thiểu số rất ít người, bảo đảm công bằng, hài hòa trong phát triển giữa các vùng, miền, dân tộc, tôn giáo.

d) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và bảo vệ môi trường

- Về bảo vệ môi trường

+ Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường thông qua hoạt động quan trắc, thanh tra, kiểm tra đối với các nguồn thải. Yêu cầu các cơ sở công nghiệp, khu công nghiệp, trang trại chăn nuôi và cơ sở khai thác khoáng sản lắp đặt, vận hành hệ thống xử lý và quan trắc chất thải đạt quy chuẩn; kiên quyết không chấp thuận các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, có nguy cơ cao gây ô nhiễm hoặc xâm phạm các vùng sinh thái nhạy cảm, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia.

+ Quản lý chặt chẽ chất lượng môi trường nước mặt và không khí theo lưu vực và không gian liên tỉnh, liên vùng. Hạn chế thu hút đầu tư tại vùng thượng nguồn các lưu vực sông; thiết lập và vận hành hệ thống quan trắc liên vùng trên các sông chính để giám sát, cảnh báo sớm ô nhiễm. Tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng nước mặt, kiểm soát nguồn thải. Cải thiện chất lượng không khí thông qua chuyển đổi năng lượng, loại bỏ phương tiện lạc hậu và áp dụng công nghệ kiểm soát phát thải đối với các ngành đặc thù.

+ Đẩy mạnh quản lý tổng hợp chất thải rắn theo hướng kinh tế tuần hoàn. Hoàn thiện hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; ưu tiên chuyển đổi công nghệ xử lý hiện đại, thân thiện môi trường; tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải xây dựng, chất thải công nghiệp và nông nghiệp. Quy hoạch, xây dựng hạ tầng xử lý chất thải rắn phù hợp đơn vị hành chính mới; ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý chất thải; đẩy mạnh truyền thông, phân loại rác tại nguồn và giảm thiểu chất thải nhựa.

+ Tăng cường bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học gắn với sinh kế

bền vững. Thực thi nghiêm pháp luật về bảo tồn; bảo vệ và phục hồi rừng đầu nguồn, hành lang đa dạng sinh học; tăng cường phối hợp liên tỉnh trong kiểm soát buôn bán, sử dụng trái phép động, thực vật hoang dã nguy cấp. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại trong giám sát, điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học; lồng ghép bảo tồn với phát triển kinh tế xanh, dịch vụ môi trường rừng và tham gia thị trường tín chỉ các-bon, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư địa phương.

- Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

+ Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông, lâm sản, du lịch, năng lượng tái tạo và kinh tế số. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích giao dịch, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ, tài sản trí tuệ.

+ Có cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương thực hiện chuyển đổi số, nâng cao năng lực quản trị, đổi mới công nghệ để đủ điều kiện tham gia vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn lớn, các doanh nghiệp FDI trong khu vực động lực và các hành lang kinh tế của vùng.

+ Khuyến khích các tổ chức khoa học, công nghệ tự chủ, hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, tham gia cung cấp dịch vụ nghiên cứu, tư vấn, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế. Tăng cường liên kết giữa các tập đoàn lớn với các doanh nghiệp địa phương để hình thành hệ sinh thái công nghiệp hỗ trợ và chuyển giao công nghệ.

+ Xây dựng cơ chế liên kết giữa các cơ sở ươm tạo công nghệ, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp và các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ nhằm thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường trong nước và quốc tế.

+ Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và hạ tầng khoa học - công nghệ cấp vùng theo hướng đồng bộ, hiện đại và liên thông. Tăng cường bảo hộ và khai thác hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm chủ lực; phát triển hạ tầng tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong đầu tư hạ tầng khoa học - công nghệ, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của vùng.

+ Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ, số hóa kết quả nghiên cứu, kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo dùng chung của vùng để nâng cao hiệu quả quản trị và chia sẻ nguồn lực nghiên cứu.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu du lịch vùng, phát triển du lịch thông minh, ứng dụng công nghệ số trong quản lý điểm đến, quảng bá, xúc tiến và cung cấp dịch vụ du lịch.

3. Triển khai các chương trình, dự án dự kiến

Việc triển khai các dự án quan trọng của vùng phải bảo đảm nguyên tắc:

a) Bảo đảm tính đồng bộ, liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương. Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn.

b) Ưu tiên vốn đầu tư công cho các dự án hạ tầng kỹ thuật quy mô lớn có tính chất của vùng, liên tỉnh; đầu tư các công trình có sức lan tỏa cao, giải quyết nhu cầu thiết yếu, các nút thắt của vùng, mang lại hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội cao cho toàn vùng.

c) Phát huy vai trò dẫn dắt của vốn đầu tư công để kích hoạt, huy động, thu hút mọi nguồn lực xã hội, nhất là nguồn lực tư nhân tham gia các công trình đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP); thu hút đầu tư các dự án có sức lan tỏa rộng.

d) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các địa phương trong đầu tư kết cấu hạ tầng, đặc biệt là các công trình hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. Các địa phương khi triển khai các dự án trọng điểm phải xây dựng phương án phòng ngừa, xử lý các vấn đề về an ninh, trật tự, nhất là trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng.

Danh mục chương trình, dự án dự kiến triển khai tại Phụ lục II.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kiện toàn Hội đồng điều phối vùng Trung du và miền núi phía Bắc

- Kiện toàn Hội đồng điều phối vùng Trung du và miền núi phía Bắc phù hợp với phạm vi vùng; Hội đồng điều phối vùng có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách, kế hoạch triển khai thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ, dự án có quy mô vùng và có tính chất liên kết vùng theo thứ tự ưu tiên để phát triển bền vững vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch vùng, cơ chế điều phối, liên kết vùng trình cấp có thẩm quyền ban hành.

- Huy động nguồn lực trong nước, quốc tế, điều phối việc sử dụng nguồn

vốn đầu tư công, kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm đối với các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án để triển khai thực hiện quy hoạch vùng; hoạt động xúc tiến đầu tư chung của vùng.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc

a) Nghiêm túc triển khai thực hiện có hiệu quả, thực chất, toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 610/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của bộ, cơ quan trung ương và của địa phương mình; kịp thời xử lý vấn đề phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện nhiệm vụ của bộ, ngành, địa phương mình.

b) Triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án theo phân công tại Quyết định này, bảo đảm chất lượng, tiến độ theo yêu cầu.

c) Kịp thời đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

đ) Phối hợp với Bộ Tài chính đánh giá thực hiện quy hoạch theo định kỳ 05 năm; đánh giá đột xuất hoặc khi xuất hiện nhu cầu điều chỉnh quy hoạch.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương có liên quan đánh giá thực hiện quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc theo định kỳ 05 năm; đánh giá đột xuất hoặc khi xuất hiện nhu cầu điều chỉnh quy hoạch.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình thực hiện, các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trong vùng chủ động đề xuất, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Phụ lục I

CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 610/QĐ-TTg NGÀY 04 THÁNG 4 NĂM 2026 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Chương trình tại Quyết định số 2305/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân tổng sản phẩm trên địa bàn vùng (GRDP) giai đoạn 2026 - 2030	%/năm	9 - 10	Bộ Tài chính
2	Tỷ trọng trong GRDP của khu vực nông, lâm, thủy sản	%	11,6	Bộ Tài chính
3	Tỷ trọng trong GRDP của khu vực công nghiệp, xây dựng	%	45,6	Bộ Tài chính
4	Tỷ trọng trong GRDP của khu vực dịch vụ	%	36,8	Bộ Tài chính
5	Tỷ trọng trong GRDP của thuế trừ trợ cấp sản phẩm	%	6	Bộ Tài chính
6	GRDP bình quân đầu người	USD	6.000	Bộ Tài chính
7	Năng suất lao động giai đoạn 2026 - 2030 tăng trưởng bình quân	%/năm	9,3	Bộ Tài chính
8	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	25 - 30	Bộ Tài chính
9	Tỷ lệ đô thị hóa	%	40	Bộ Xây dựng
10	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030)	%	60 (trong đó 8 - 10% xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
11	Chỉ số phát triển con người (HDI)		>0,75	Bộ Tài chính

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
12	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	35 - 40	Bộ Giáo dục và Đào tạo
13	Tỷ lệ trẻ mẫu giáo đến trường	%	>96	Bộ Giáo dục và Đào tạo
14	Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi tiểu học đến trường	%	100	Bộ Giáo dục và Đào tạo
15	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030	%/năm	Giảm khoảng 2 - 3	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
16	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường bệnh	40	Bộ Y tế
17	Số bác sĩ trên 1 vạn dân	Bác sĩ	13	Bộ Y tế
18	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm	%	100	Bộ Y tế
19	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế		Bao phủ toàn dân	Bộ Y tế
20	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	74	Bộ Y tế
21	Tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh giảm xuống	‰	12	Bộ Y tế
22	Tỷ lệ che phủ rừng	%	55	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
23	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	95 - 100	Bộ Xây dựng
24	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%	93 - 95	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
25	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	>95	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
26	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	90	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
27	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	98	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
27.1	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100	Bộ Y tế
28	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	%	95	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
29	Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn	%	100	Bộ Công Thương

Phụ lục II

DANH MỤC DỰ KIẾN DỰ ÁN TRIỂN KHAI QUY HOẠCH VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 ĐÃ ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 610/QĐ-TTg NGÀY 04 THÁNG 4 NĂM 2026

(Kèm theo Chương trình tại Quyết định số 2305/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
I	**HẠ TẦNG GIAO THÔNG**						
	Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường bộ, cao tốc, tuyến quốc lộ, đường sắt kết nối quốc tế, liên vùng và các kết nối liên tỉnh theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Trong đó, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện một số tuyến giao thông sau:		Bộ Xây dựng, các bộ, ngành, UBND các tỉnh trong vùng	x	x		
1	Cao tốc Sơn La - Điện Biên		UBND các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Bộ Xây dựng, các cơ quan liên quan	x	x	x	x

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
2	Cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng		Bộ Xây dựng, UBND các tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, các cơ quan liên quan	x	x	x	x
3	Nâng cấp một số đoạn ưu tiên trên các đường vành đai 1 (quốc lộ 4, 4A, 4B, 4C, 4D, 4H), vành đai 2 (quốc lộ 279) và vành đai 3 (quốc lộ 37)		UBND các tỉnh có liên quan, Bộ Xây dựng, các cơ quan liên quan	x		x	x
4	Nâng cấp quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 2, quốc lộ 3, quốc lộ 32, quốc lộ 70, quốc lộ 6, quốc lộ 12, quốc lộ 12B, quốc lộ 32C, quốc lộ 32B, quốc lộ 2C, quốc lộ 1B, quốc lộ 34, quốc lộ 43, quốc lộ 279B, quốc lộ 32D, quốc lộ 70B, quốc lộ 3C, quốc lộ 17, quốc lộ 37C		Bộ Xây dựng, UBND các tỉnh có liên quan, các cơ quan liên quan	x		x	x
5	Nâng cấp quốc lộ 3B, quốc lộ 4G, quốc lộ 4E, quốc lộ 6B, quốc lộ 279D, quốc lộ 6C, quốc lộ 2D, quốc lộ 34B, quốc lộ 280, đường nối Cột cờ Lũng Cú		UBND các tỉnh có liên quan, Bộ Xây dựng, các cơ quan liên quan	x		x	x
6	Cao tốc Lạng Sơn - Thái Nguyên - Lào Cai - Sơn La (CT.43), trong đó ưu tiên đầu tư đoạn Lạng		UBND các tỉnh có liên quan, Bộ Xây dựng, các	x	x	x	

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
	Sơn - Thái Nguyên trong giai đoạn 2026 - 2030		cơ quan liên quan				
7	Tuyến đường bộ kết nối tiểu vùng Tây Bắc với tiểu vùng Bắc Trung Bộ (tuyến Phú Thọ - Ninh Bình)		UBND các tỉnh Phú Thọ, Ninh Bình, các cơ quan liên quan	x	x	x	
8	Mở rộng Cảng hàng không Điện Biên theo quy hoạch		Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, UBND tỉnh Điện Biên, các cơ quan liên quan	x		x	
9	Cao tốc Bảo Hà - Lai Châu (CT.13)		Bộ Xây dựng, UBND các tỉnh Lào Cai, Lai Châu, các cơ quan liên quan	x		x	x
10	Cảng hàng không Lai Châu		Bộ Xây dựng, UBND tỉnh Lai Châu, các cơ quan liên quan	x	x		x
11	Đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn		Bộ Xây dựng, UBND các tỉnh có liên quan, các cơ quan liên quan	x	x	x	
12	Nâng cấp luồng tuyến, cảng thủy nội địa trên các trục sông Hồng, sông Đà, sông Lô - Gâm và các		Bộ Xây dựng, UBND các tỉnh có liên quan, các cơ	x	x	x	x

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
	lòng hồ thủy điện lớn theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt		quan liên quan				
II	**HẠ TẦNG THỦY LỢI**						
1	Xây dựng mới và nâng cấp các hệ thống thủy lợi và hồ đập theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt		Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND các tỉnh có liên quan, các cơ quan liên quan	x	x	x	
2	Xây mới cụm hồ tỉnh Lai Châu (Căn Co, Phiêng Lúc, Giang Ma, Phăng Sô Lin)	Tỉnh Lai Châu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh Lai Châu, các cơ quan liên quan	x		x	
3	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Núi Cốc (Thái Nguyên)	Tỉnh Thái Nguyên	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh Thái Nguyên, các cơ quan liên quan	x		x	
4	Xây dựng cụm hồ Khuôn Tát, Đầm Làng và hồ Kẹm bổ sung nguồn nước cho hồ Núi Cốc	Tỉnh Thái Nguyên	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh Thái Nguyên, các cơ quan liên quan		x	x	
5	Xây mới cụm hồ tỉnh Sơn La (Tà Phình, Km67,	Tỉnh Sơn La	Bộ Nông nghiệp và Môi	x	x	x	

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
	Bản Hịa, Bản Mờn)		trường, UBND tỉnh Sơn La, các cơ quan liên quan				
6	Xây mới cụm hồ tỉnh Điện Biên (Nậm Chim, Luân Giới)	Tỉnh Điện Biên	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh Điện Biên, các cơ quan liên quan	x		x	
7	Xây mới hồ Thục Luyện (tỉnh Phú Thọ)	Tỉnh Phú Thọ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh Phú Thọ, các cơ quan liên quan	x	x	x	
8	Xây mới hồ Cao Ngỗi (Tuyên Quang)	Tỉnh Tuyên Quang	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh Tuyên Quang, các cơ quan liên quan	x		x	
9	Xây mới cụm công trình Tuyên Quang (hồ Thôn Kem, Nà Ôm, Ngòi Hốc; đập Tân Trịnh, Thôn Thượng)	Tỉnh Tuyên Quang	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh Tuyên Quang, các cơ quan liên quan	x		x	
10	Xây dựng, nâng cấp hệ thống đê sông và công	Các tỉnh có liên	Bộ Nông nghiệp và Môi	x	x	x	

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
	trình phòng, chống sạt lở bờ sông, suối	quan	trường, UBND các tỉnh có liên quan, các cơ quan liên quan				
III	**HẠ TẦNG KINH TẾ**						
1	Xây dựng, nâng cấp hạ tầng các khu kinh tế cửa khẩu		Bộ Tài chính, UBND các tỉnh có liên quan, Bộ Ngoại giao, các cơ quan liên quan	x	x	x	
2	Thí điểm xây dựng mô hình khu cửa khẩu thông minh tại một số cửa khẩu quốc tế lớn		Bộ Tài chính, UBND các tỉnh có liên quan, Bộ Ngoại giao, các cơ quan liên quan	x		x	
3	Xây dựng, phát triển một số trung tâm logistics cấp vùng tại các khu kinh tế cửa khẩu; nghiên cứu xây dựng Đề án Trung tâm logistics xuất nhập khẩu cấp quốc gia của vùng Trung du và miền núi phía Bắc		UBND các tỉnh có liên quan, Bộ Công Thương, các cơ quan liên quan	x	x	x	x
4	Tăng cường năng lực cho các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, cung ứng		Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND các tỉnh có	x	x		x

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
	giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao cấp vùng trong lĩnh vực nông nghiệp		liên quan, các cơ quan liên quan				
5	Nghiên cứu, thí điểm mô hình khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại Lào Cai, Lạng Sơn, Cao Bằng	Các tỉnh Lào Cai, Lạng Sơn, Cao Bằng	UBND các tỉnh Lào Cai, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, các cơ quan liên quan	x	x	x	x
6	Nghiên cứu, hình thành các khu thương mại tự do gắn với các khu kinh tế, cửa khẩu quốc tế, trung tâm logistics và hành lang kinh tế tại các địa phương có tiềm năng	Các tỉnh có liên quan	UBND các tỉnh có liên quan, Bộ Tài chính, các cơ quan liên quan	x	x		x
7	Đầu tư các công trình nguồn điện lớn và hệ thống lưới điện truyền tải liên tỉnh từ 220 kV trở lên theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	Các tỉnh có liên quan	UBND các tỉnh có liên quan, Bộ Công Thương, các cơ quan liên quan	x	x		x
IV	**Y TẾ, GIÁO DỤC, VĂN HÓA, THỂ THAO**						
1	Kiên cố hóa đồng bộ trường, lớp học và công trình phụ trợ tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Các tỉnh	Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND các tỉnh có liên quan, các cơ quan liên quan	x		x	
2	Phát triển Đại học Thái Nguyên thành cơ sở giáo	Tỉnh Thái	Bộ Giáo dục và Đào tạo,	x		x	

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
	dục đại học trọng điểm vùng	Nguyên	UBND tỉnh Thái Nguyên, các cơ quan liên quan				
3	Phát triển Trường Đại học Tây Bắc thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm của vùng	Tỉnh Sơn La	Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Sơn La, các cơ quan liên quan		x	x	
4	Phát triển Trường Đại học Hùng Vương thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm của tiểu vùng Trung tâm	Tỉnh Phú Thọ	Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Phú Thọ, các cơ quan liên quan		x	x	
5	Củng cố và mở rộng các trường đại học, trung tâm, phân hiệu đại học tại Phú Thọ, Lào Cai, Tuyên Quang và các tiểu vùng	Các tỉnh có liên quan	Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND các tỉnh có liên quan, các cơ quan liên quan	x	x	x	x
6	Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt; thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể theo đúng quy định của pháp luật về di sản văn hóa	Các tỉnh có liên quan	UBND các tỉnh có liên quan, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan liên quan	x		x	
7	Nâng cấp, cải tạo Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam (Thái Nguyên)	Tỉnh Thái Nguyên	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh Thái	x		x	

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
			Nguyên, các cơ quan liên quan				
8	Nâng cấp, cải tạo Nhà hát Ca, Múa, Nhạc dân gian Việt Bắc (Thái Nguyên)	Tỉnh Thái Nguyên	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh Thái Nguyên, các cơ quan liên quan	x		x	
9	Xây dựng trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia tại Sa Pa (Lào Cai)	Tỉnh Lào Cai	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh Lào Cai, các cơ quan liên quan	x		x	
10	Phát triển trung tâm thể dục thể thao vùng tại Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh Thái Nguyên, các tỉnh có liên quan, các cơ quan liên quan	x			
11	Phát triển các khu du lịch quốc gia	Các tỉnh có liên quan	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các tỉnh có liên quan, các cơ quan liên quan	x	x		
V	**KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**						

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
1	Thành lập trung tâm đổi mới sáng tạo vùng		Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan	x	x	x	
2	Phát triển Thái Nguyên thành trung tâm chuyển đổi số của vùng	Tỉnh Thái Nguyên	Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh Thái Nguyên, các cơ quan liên quan	x	x	x	
3	Hình thành trung tâm dữ liệu vùng đạt chuẩn quốc tế và hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung	Các tỉnh Thái Nguyên, Phú Thọ	Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND các tỉnh Thái Nguyên, Phú Thọ, các cơ quan liên quan	x		x	x
4	Nghiên cứu phát triển các khu công nghệ số tập trung tại các địa bàn có tiềm năng và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật	Các tỉnh có liên quan	UBND các tỉnh trong vùng, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành có liên quan	x	x		x
5	Hình thành và vận hành sàn giao dịch công nghệ vùng, kết nối với hệ thống quốc gia		Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND các tỉnh trong vùng, các cơ quan	x		x	

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
			liên quan				
6	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo dùng chung cho toàn vùng		Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND các tỉnh trong vùng, các cơ quan liên quan	x		x	
VI	**MÔI TRƯỜNG**						
1	Thành lập Vườn quốc gia Bát Xát trên cơ sở nâng hạng từ Khu bảo tồn thiên nhiên Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh Lào Cai, các cơ quan liên quan	x		x	
2	Thành lập mới khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voọc mũi hếch Cao Tả Tùng, tỉnh Tuyên Quang	Tỉnh Tuyên Quang	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh Tuyên Quang, các cơ quan liên quan	x		x	
3	Thành lập mới khu bảo vệ cảnh quan Cột cờ Lũng Cú, tỉnh Tuyên Quang	Tỉnh Tuyên Quang	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh Tuyên Quang, các cơ quan liên quan	x		x	
4	Thành lập mới khu bảo vệ cảnh quan Thác Tiên - Đèo Gió, tỉnh Tuyên Quang	Tỉnh Tuyên Quang	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh Tuyên	x		x	

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
			Quang, các cơ quan liên quan				
5	Thành lập mới hành lang đa dạng sinh học Na Hang - Ba Bể (Tuyên Quang - Thái Nguyên)	Các tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND các tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên, các cơ quan liên quan	x		x	
6	Thành lập mới hành lang đa dạng sinh học Nam Xuân Lạc - Na Hang (Tuyên Quang - Thái Nguyên)	Các tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND các tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên, các cơ quan liên quan	x		x	
7	Mở rộng khu xử lý chất thải Sông Công (Thái Nguyên)	Tỉnh Thái Nguyên	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh Thái Nguyên, các cơ quan liên quan	x			x